



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ
Phòng Thông tin - Văn hóa

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh, Hà Nội
Tel: 831-4580 * Fax: 831-4601 * Email: irchano@pd.state.gov

Hội đồng Tình báo Quốc gia, tháng 9 năm 1999

TƯƠNG LAI QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ
TÌNH HÌNH AN NINH CỦA TRUNG QUỐC,
2000-2005

David Shambaugh

Có thể chúng ta sẽ chứng kiến một nước Trung Quốc ngày càng cảm thấy bấp bênh và lo lắng về môi trường an ninh của mình, với những mối quan hệ ngày càng căng thẳng với các cường quốc lớn trong khu vực, chịu tác động ngày càng nhiều của chủ nghĩa dân tộc và thiếu kiên nhẫn trong các vấn đề về Đài Loan.

"Dự đoán là một điều khó khăn - đặc biệt là khi dự đoán về tương lai." - Yogi Berra.

Ngôi sao người Mỹ ở New York này có thể chưa từng là một nhà Trung Quốc học hay một nhà phân tích tình báo, nhưng câu cách ngôn đời thường của ông lại rất đúng đối với tài liệu tập hợp các đánh giá và ước đoán này. Nhìn vào kết quả thất thường của những người theo dõi tình hình Trung Quốc trước đây, chúng ta cần phải dè dặt trong những nỗ lực của mình nhằm dự đoán sự phát triển của Trung Quốc trong tương lai - dù chỉ trong vòng năm năm. Tuy nhiên, khoảng thời gian này là đủ ngắn để làm cái điều có thể làm: đó là ngoại suy từ những thực tế và xu hướng hiện tại, đồng thời cân nhắc khả năng các thay đổi liên quan tác động đến hành vi hiện nay và quỹ đạo phát triển của Trung Quốc trong tương lai. Tuy vậy, việc nhận biết được các thay đổi hiện tại và phép ngoại suy trên cơ sở những điều kiện hiện thời vẫn là một sự phân tích tình báo chưa đầy đủ. Việc dự đoán còn liên quan đến việc xem xét khả năng xảy ra những điều bất ngờ - những biến cố lớn có thể phá vỡ các quỹ đạo thẳng băng đều đặn. Vì thế, khi xem xét khả năng phát triển trong tương lai năm năm tới của các quan hệ đối ngoại của Trung Quốc, cần phải bắt đầu bằng việc xem xét ảnh hưởng có thể có do những thay đổi sâu sắc ở trong nước.

Quan hệ giữa bên trong và bên ngoài

Mặc dù ở Trung Quốc có tồn tại khả năng xảy ra biến động lớn về xã hội, những chia rẽ trong giới lãnh đạo, thay đổi trong hệ thống chính trị, và suy giảm kinh tế kéo dài, song không nên coi điều nào trong số đó là có nhiều khả năng xảy ra hay dễ xảy ra.⁸⁹ Rất nhiều chuyên gia, bao gồm cả những người đã đóng góp vào bài nghiên cứu này, đều cho rằng Trung Quốc có khả năng "loay hoay xoay trở" trong những lĩnh vực nói trên mà không để xảy ra biến động lớn. Tuy thế, không nên loại trừ bất cứ điều nào trong số những khả năng ấy. Nếu cho rằng ở Trung Quốc có sự ổn định về cơ bản và liên tục thì đó sẽ là một thất

bại lớn về mặt phân tích và tình báo, bởi kinh nghiệm lịch sử đã chứng minh một điều khác. Ở Trung Quốc, hãy mong chờ điều bất ngờ.

Mặc dầu khả năng xảy ra biến cố lớn là rất thấp, nhưng mỗi khả năng tất yếu sẽ có tác động - tích cực và tiêu cực - đến tình hình chiến lược và quan hệ của Trung Quốc với thế giới. Một cuộc suy giảm kinh tế kéo dài có thể làm trầm trọng hơn những căng thẳng xã hội hiện tại và có thể làm nổ ra thêm nhiều cuộc phản đối lan rộng.²⁰ Biến động xã hội và những trục trặc trầm trọng về kinh tế cũng sẽ ảnh hưởng xấu đến lòng tin của các nhà đầu tư và thương nhân nước ngoài - vì thế càng làm cho các cuộc khủng hoảng tồi tệ hơn. Các quỹ dành cho hiện đại hóa quân đội cũng sẽ bị hạn chế. Sự thay đổi về thể hệ trong Đảng Cộng sản Trung Quốc, điều sẽ đưa "thế hệ thứ tư" của các nhà lãnh đạo lên cầm quyền tại Đại hội Đảng lần thứ 16 năm 2002, sẽ tác động đến tình hình đối ngoại của Trung Quốc - mặc dù, các bài viết của Li Cheng và Lyman Miller cho thấy, vẫn chưa rõ thế giới quan của họ sẽ khác với những người tiền nhiệm như thế nào. Chủ nghĩa bè phái trong giới lãnh đạo có thể ảnh hưởng tới cách ứng xử với Hoa Kỳ và - như đã được chứng kiến năm 1989 - sự tê liệt trong giới lãnh đạo có thể đổ thêm dầu vào đám lửa bất bình trong xã hội. Ngoài bất ổn xã hội còn có thể xảy ra những thay cơ bản về chế độ, nhưng quá trình đó hẳn sẽ kéo dài và đầy bạo lực. Cho dù có dẫn đến thay đổi chế độ, thì bất ổn xã hội ở Trung Quốc cũng sẽ là không tốt đối với các nước láng giềng của Trung Quốc và cộng đồng thế giới. Rõ ràng nó sẽ dẫn tới một dòng người tị nạn đổ ra khỏi Trung Quốc, đe dọa các khoản đầu tư và công dân của nước ngoài, có thể tác động tiêu cực đến quan điểm của Trung Quốc về phổ biến vũ khí hạt nhân (và thậm chí có thể gây ra vấn đề "vũ khí hạt nhân không được kiểm soát"), và chắc chắn sẽ cản dưng đến hành động quân sự để dập tắt sự náo loạn - vì thế gây nên tình trạng vi phạm nhân quyền trên một bình diện rộng lớn. Mặc dù bất ổn xã hội ở Trung Quốc sẽ tạo nên áp lực đối với chính quyền, nhưng vẫn chưa rõ liệu nó có dẫn đến thay đổi chế độ và đưa một lực lượng biến thể khác tự do hơn lên cầm quyền hay không. Trên thực tế, bất ổn xã hội có thể đưa đến sự nổi lên của một chính phủ hà khắc hơn ở Bắc Kinh. Mặt khác, thay đổi trong hệ thống chính trị có thể tác động tích cực đến quan hệ của Trung Quốc với Hoa Kỳ và các nước láng giềng - nếu giả sử là nó sẽ tạo ra một hệ thống dân chủ sơ khai và một chế độ tự do hơn thay thế cho Đảng Cộng sản Trung Quốc. Một chính phủ Trung Quốc phi Cộng sản có lẽ sẽ theo đuổi nhiều mục tiêu giống như Đảng Cộng sản Trung Quốc - như hiện đại hóa kinh tế, xác định chủ quyền quốc gia đối với Đài Loan, chống lại sự gia tăng vai trò của Nhật Bản trong khu vực, và nâng cao sức mạnh quân sự của Trung Quốc - nhưng một chính phủ hậu Cộng sản như thế chắc hẳn cũng sẽ có sức hấp dẫn hơn đối với Đài Loan, sẽ minh bạch hơn về kinh tế và quân sự, sẽ ít tham nhũng hơn và có trách nhiệm hơn đối với các công dân của mình, sẽ có một bản thành tích nhân quyền được cải thiện, và sẽ có ít lý do hơn để thách thức vai trò của Hoa Kỳ ở châu Á và trên thế giới.

Bất chấp những thay đổi trong nước kể trên và ảnh hưởng tiềm tàng của chúng đối với tình hình đối ngoại của Trung Quốc, phần còn lại của tài liệu này sẽ ngoại suy trên cơ sở những thực tế hiện nay và xem xét triển vọng phát triển trong tương lai năm năm tới của quan hệ đối ngoại và tình hình chiến lược/quân sự của Trung Quốc. Tài liệu được chia thành hai phần chính. Phần thứ nhất xem xét tổng thể định hướng chính sách đối ngoại và tình hình chiến lược của Trung Quốc và đánh giá khả năng tiếp diễn và ngừng tiếp diễn trong phạm vi các lĩnh vực đó. Về cơ bản, phần này kết luận rằng quan hệ của Trung Quốc với các cường quốc lân cận, có thể bao gồm cả Nga, sẽ có khả năng trở nên căng thẳng hơn trong năm năm tới, và rằng Trung Quốc sẽ phải đứng trước một môi trường an ninh quốc gia ít ổn định hơn và căng thẳng hơn. Phần thứ hai xem xét mặt quân sự của Trung Quốc một cách trực tiếp hơn. Trong khi ghi nhận rằng Quân Giải phóng Nhân dân

Trung Hoa (People's Liberation Army - PLA) đang trong quá trình tiến hành những cải cách sâu rộng, toàn diện trong nhiều khu vực và nhiều cơ quan, phần thứ hai này đặc biệt chú ý đến các loại vũ khí mà PLA hiện đang sử dụng và có khả năng sẽ sử dụng trong vòng năm năm tới. Mỗi phần đều có phân kết luận đánh giá tác động tiềm tàng đối với lợi ích của Hoa Kỳ.

Định hướng đối ngoại của Trung Quốc

Mâu thuẫn trong vấn đề an ninh

Cộng hòa Nhân dân (CHND) Trung Hoa hiện đang được hưởng một thời kỳ hòa bình và an ninh chưa từng có ở các vùng biên giới của mình, tuy nhiên các quan chức và các nhà phân tích tình hình quốc tế của Trung Quốc vẫn sống với một cảm giác rất bấp bênh và nghi ngờ về khả năng bất ổn và những nguy cơ tiềm tàng ở khu vực lân cận Trung Quốc - chủ yếu là từ Đài Loan, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Ấn Độ. Mâu thuẫn này được thể hiện như sau.

Bước vào thế kỷ 21, Trung Quốc dường như không gặp phải bất cứ mối đe dọa quân sự tức thời nào từ bên ngoài đối với an ninh quốc gia của mình. Các khu vực biên giới của Trung Quốc hiện rất bình yên, mối đe dọa từ Liên bang Xô Viết trước đây đã biến mất và Bắc Kinh đã thiết lập quan hệ ngoại giao bình thường với tất cả các nước láng giềng của mình. Quan hệ với các nước thành viên của Liên minh châu Âu cũng rất tốt đẹp. Tuy nhiên, quan hệ với Hoa Kỳ và Nhật Bản vẫn lên xuống thất thường và đôi khi có mâu thuẫn. Nhưng tình hình đó đã kéo dài ít nhất là cả thập kỷ nay rồi. Khả năng bùng nổ xung đột xung quanh các tuyên bố chủ quyền vùng biển của Đài Loan và Trung Quốc vẫn còn đó. Và hai vấn đề trên đang ngày càng trở thành những điểm nóng tiềm tàng, mặc dù trong cả hai vấn đề, Trung Quốc hiện nay không có đủ sức mạnh quân sự để áp đặt ý chí của mình.

Tình hình yên bình này thật là đáng chú ý nếu so sánh với an ninh của Trung Quốc trước đây. Trong nhiều năm, Trung Quốc đã phải đối phó với sự bao vây quân sự thực tế của các quốc gia đối lập. Trong phần lớn chiều dài lịch sử của mình, CHND Trung Hoa đã trải nghiệm một môi trường an ninh đối ngoại đầy đe dọa. Ngày nay, CHND Trung Hoa đã có thể thiết lập hòa bình tại các vùng biên giới của mình và xây dựng quan hệ hợp tác ổn định với tất cả 14 quốc gia lân cận.

Trung Quốc và Nga: "Những Đối tác Chiến lược" mới

Có lẽ tính chất thay đổi trong quan hệ với khu vực của Trung Quốc được biểu hiện rõ nét nhất qua quan hệ Nga - Trung, mối quan hệ đã chuyển từ bờ vực của chiến tranh hạt nhân sang một "quan hệ đối tác chiến lược".²¹ Khái niệm này được đưa ra lần đầu tiên bởi chính quyền Yeltsin vào tháng 4 năm 1996, và từ đó đã trở thành khuôn mẫu cho quan hệ của Bắc Kinh với các nước lớn và trung bình khác. Thương mại hai chiều Nga - Trung còn tương đối nhỏ (năm 1998 đạt 5,5 tỷ đô-la Mỹ, chỉ chiếm 2% tổng kim ngạch thương mại của CHND Trung Hoa và chưa đến 5% tổng kim ngạch thương mại của Nga) và chủ yếu chỉ giới hạn trong thương mại đên bù và một số trao đổi buôn bán trong các lĩnh vực chế tạo máy, điện tử, máy phát điện, hóa dầu, hàng không, vũ trụ, và công nghệ quân sự và vũ khí. Hai nước đã đặt mục tiêu đến năm 2000 thương mại hai chiều đạt 20 tỷ đô-la, mặc dù điều này có vẻ là quá tham vọng vì hai nước trên thực tế có quan hệ kinh tế rất ít. Thực vậy, thương mại hai chiều đã giảm từ 6,8 tỷ đô-la năm 1997 xuống còn 5,5 tỷ đô-la năm 1998. Trong một sự hoán đổi vị trí đầy mỉa mai có tính chất lịch sử, Bắc Kinh thậm chí đã

đề nghị cho Mátxcova vay năm tỷ đô-la năm 1998 nhằm giúp giảm bớt khó khăn về kinh tế.

Các chuyến viếng thăm cấp cao lẫn nhau của nguyên thủ quốc gia hai nước giờ đây được tiến hành hàng năm, trong đó các nhà lãnh đạo thường xuyên tuyên bố đoàn kết chống lại một nước Mỹ "bá quyền". Các cuộc tiếp xúc chính phủ ở cấp thấp hơn được tổ chức thường xuyên và có vẻ rất nồng ấm. Hai kẻ thù trước đây giờ đã hoàn thành việc phân định đường biên giới dài 4340 dặm gây tranh chấp lâu nay và đã phi quân sự hóa vùng biên giới. Hai bên đều đã giới hạn lực lượng bộ binh, máy bay tấn công tầm ngắn, và lực lượng phòng không trong phạm vi 100 km quanh đường biên giới chung. Theo hai hiệp định có tính bước ngoặt mà Trung Quốc ký với Nga, Tajikistan, Kazakhstan, và Kyrgyzstan lần lượt vào tháng 4 năm 1996 và tháng 4 năm 1997 - đó là Hiệp định về Xây dựng Lòng tin trong Lĩnh vực Quân sự Dọc theo các Vùng Biên giới và Hiệp định về việc Cùng Cắt giảm các Lực lượng Quân sự ở các Vùng Biên giới - thì Trung Quốc và các nước ký kết khác đồng ý tiến hành việc cắt giảm để giới hạn mỗi nước chỉ được duy trì tối đa 130400 lính, 3900 xe tăng, và 4500 xe thiết giáp trong khu vực 100 km nói trên.²² Trung Quốc và Nga cũng đã ký kết một số hiệp định song phương khác nhằm ổn định và nâng cao an ninh của hai nước - bao gồm một hiệp định không theo đuổi vũ khí hạt nhân (1994) và một hiệp định nhằm ngăn ngừa các biến cố quân sự bất ngờ (1994). Quân đội hai nước đã hun đúc một mối quan hệ đặc biệt gần gũi - bao gồm cả việc chuyển giao một số lượng đáng kể vũ khí và công nghệ phòng thủ của Nga cho Trung Quốc (kể cả việc huấn luyện, đào tạo). Xuất khẩu vũ khí của Nga sang Trung Quốc năm 1996 ước tính đạt 2,1 tỷ đô-la, chiếm gần một phần ba tổng kim ngạch thương mại song phương. Trong thời gian từ 1991 đến 1999, Trung Quốc đã mua tổng cộng khoảng 8 tỷ đô-la vũ khí của Nga.

Mặc dù sẽ là phóng đại nếu cho rằng Nga đã chuyển từ kẻ thù sang thành đồng minh của Trung Quốc, và cả hai nước đều tuyên bố đó không phải là mục đích của họ, song mối "quan hệ đối tác chiến lược" mới này đã thực sự nâng cao an ninh chung của hai nước cũng như của khu vực, và tạo cho hai nước một sự nghiệp chung nhằm chống lại "chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền" - cụm từ mà Bắc Kinh dùng để chỉ Hoa Kỳ.²³ Cuộc khủng hoảng Kosovo năm 1999 đã góp phần thắt chặt quan hệ đoàn kết chiến lược Nga - Trung mới được thiết lập, nhưng ngay cả từ trước đó, hai nước đã bắt đầu đẩy mạnh sát cánh bên nhau trong việc cùng bỏ phiếu chống Hoa Kỳ tại Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc và tại các diễn đàn quốc tế khác. Gần như chắc chắn rằng các nhà lãnh đạo và hoạch định chiến lược của Trung Quốc coi Hoa Kỳ là mối đe dọa lớn nhất đối với hòa bình thế giới, cũng như đối với các mục tiêu an ninh quốc gia và chính sách đối ngoại của bản thân Trung Quốc. Sách Trắng về Quốc phòng năm 1998 của Trung Quốc gần như không che giấu quan điểm này:

Chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền vẫn là nguồn đe dọa chủ yếu đối với hòa bình và ổn định trên thế giới; tâm lý thời kỳ chiến tranh lạnh và ảnh hưởng của nó vẫn còn tương đối phổ biến, và sự mở rộng của các khối quân sự và tăng cường các liên minh quân sự đã làm gia tăng thêm các nhân tố gây bất ổn định đối với an ninh quốc tế. Một số nước, dựa vào những lợi thế quân sự của mình, đe dọa quân sự đối với các nước khác, thậm chí sử dụng cả can thiệp vũ trang.

Cho đến nay, sự đối lập của Nga và Trung Quốc với Hoa Kỳ và các nước đồng minh của Hoa Kỳ vẫn chỉ là trên lời nói, nhưng cùng với thời gian nó có thể sẽ trở nên rõ ràng hơn.

Quan hệ của Trung Quốc với các nước khác trong khu vực: Thiết lập hòa bình ở vùng lân cận.

Trong thập niên 1990, Trung Quốc cũng đã bình thường hóa quan hệ với Ấn Độ và Việt Nam. Mặc dù Trung Quốc vẫn còn có tranh chấp biên giới với cả Ấn Độ và Việt Nam, nhưng nhiều biện pháp an ninh và xây dựng lòng tin (confidence-building and security measures - CBSMs) đã được thực hiện dọc theo các khu vực biên giới chung và các cuộc đàm phán đã được triển khai nhằm giải quyết nhiều hơn những tranh chấp lãnh thổ có từ lâu đời. Tháng 11 năm 1996, Hiệp định về các biện pháp xây dựng lòng tin trong khu vực quân sự dọc theo đường kiểm soát thực tế tại các khu vực biên giới chung Ấn Độ - Trung Quốc ra đời là một sáng kiến có ý nghĩa to lớn trong việc giảm căng thẳng và giảm khả năng xảy ra xung đột bất ngờ. Mặc dù tốt đẹp về mặt ngoại giao, song quan hệ của Bắc Kinh với Hà Nội còn mong manh, trong khi đó các quan chức và nhà phân tích của Việt Nam vẫn rất nghi ngờ nước láng giềng phía bắc của mình.²⁴

Còn mối quan hệ Trung - Ấn vừa được củng cố đã tan thành mây khói theo đúng nghĩa đen của nó với việc New Delhi thử năm đầu đạn hạt nhân hồi tháng 5 năm 1998. Rồi Pakistan cũng thử vũ khí hạt nhân và hẳn đã không thể làm được điều đó nếu các chương trình phát triển vũ khí hạt nhân của nước này không được Trung Quốc trợ giúp trong nhiều năm trời. Bắc Kinh đã nhanh chóng hòa vào cộng đồng quốc tế lên án Ấn Độ và từ đó đến nay vẫn luôn tìm cách duy trì áp lực đòi New Delhi chấm dứt chương trình hạt nhân và việc phát triển các hệ thống phóng tên lửa của mình. Các chuyên gia an ninh của Trung Quốc từ lâu đã coi Ấn Độ là một “bá chủ ở khu vực”. Và ngược lại, nhiều người Ấn Độ lâu nay vẫn xem Trung Quốc là mối đe dọa đối với an ninh của mình. Để biện minh cho việc thử vũ khí hạt nhân của mình, chính quyền New Delhi đã viện dẫn đến mối “đe dọa” hạt nhân từ Trung Quốc cũng như chính sách ngăn chặn được thể hiện rõ của Bắc Kinh. Kết quả là, quan hệ Trung - Ấn lại tràn ngập thù địch và nghi kỵ lẫn nhau và có thể dẫn đến sự kình địch và va chạm lâu dài.²⁵

Sau sự sụp đổ của Liên bang Xô Viết và việc các quốc gia Trung Á tách ra độc lập, Trung Quốc đã nhanh chóng thiết lập quan hệ ngoại giao và sau đó xây dựng quan hệ tốt đẹp với các nước láng giềng mới của mình. Một trong những động cơ của Bắc Kinh khi củng cố quan hệ với Cộng đồng các Quốc gia Độc lập (Commonwealth of Independent States - CIS) là do nỗi lo lắng của bản thân Trung Quốc về bất ổn sắc tộc giữa các cộng đồng dân cư Hồi giáo và thiểu số ở Tỉnh Xinjiang. Phiến quân ở vùng Tây Bắc Trung Quốc đã nhận được vũ khí hạng nhẹ và các trợ giúp khác từ Iran, từ lực lượng Taliban ở Afghanistan, và từ những người có cùng chí hướng ở Cộng đồng các Quốc gia Độc lập. Một động cơ khác là nhu cầu năng lượng gia tăng của Trung Quốc. Dự trữ dầu mỏ ở Trung Á ước tính đạt khoảng 200 tỷ thùng, điều này có tầm quan trọng chiến lược đối với Trung Quốc khi mà vào năm 1996 CHND Trung Hoa đã trở thành một nước nhập khẩu ròng về dầu thô, và cũng trong năm 1996, 53% tổng nhập khẩu dầu thô của Trung Quốc là từ Trung Đông. CHND Trung Hoa đặc biệt chú ý đến Kazakhstan, hai bên đã ký với nhau một số hiệp định về khai thác năng lượng chung. Theo đó, một đường ống dẫn dầu giữa hai nước đã được xây dựng, và đã bắt đầu đưa dầu thô vào Trung Quốc từ năm 1997.

Trong những năm 1990, Trung Quốc cũng đã công nhận và bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Cộng hòa Triều Tiên, Singapore và Indonesia - nhờ vậy đạt được những bước tiến đầy ý nghĩa trong việc giữ ổn định vùng lân cận và an ninh khu vực. Bắc Kinh

cũng đã xây dựng được quan hệ thân thiện với các nước Đông Nam Á bất chấp những sự nghi kỵ của ASEAN nảy sinh từ các tuyên bố chủ quyền gây tranh cãi đối với các hòn đảo ở vùng biển Nam Trung Hoa (biển Đông), từ quan hệ Trung Quốc - Myanmar, và từ chương trình hiện đại hóa quân đội và các mục tiêu chiến lược dài hạn của Trung Quốc.⁹⁶ Biểu hiện cho các mối quan hệ được cải thiện này là việc thương mại Trung Quốc - ASEAN đạt 23,5 tỷ đô-la năm 1998 (gấp 4 lần kim ngạch của năm 1990) bất chấp tác động của cuộc khủng hoảng tài chính khu vực. Tương tự như vậy, thương mại của Trung Quốc với Nam Triều Tiên cũng tăng trưởng nhanh chóng, từ một con số không đáng kể năm 1990 lên đến 21,3 tỷ đô-la năm 1998.

Trong các quan hệ đối ngoại của Trung Quốc thời kỳ hậu Chiến Tranh Lạnh, quan hệ với Nhật Bản và Hoa Kỳ là khó khăn và căng thẳng nhất. Nhưng ngay cả ở đây, các mối quan hệ song phương cũng đã được cải thiện so với tình hình tồi tệ giai đoạn sau 1989. Chắc chắn rằng, những mối quan hệ này còn mang đậm dư âm và tính phức tạp của lịch sử, và có lẽ trong thời gian tới, cả quan hệ Trung - Nhật và quan hệ Trung - Mỹ đều sẽ tiếp tục được đặc trưng bởi sự kết hợp giữa hợp tác hạn chế và đấu tranh.

Trung Quốc và Nhật Bản: Những láng giềng nghi kỵ lẫn nhau

Những sự căng thẳng được thể hiện rõ tại Hội nghị Thượng đỉnh Trung - Nhật gây nhiều thất vọng hồi tháng 11 năm 1998 (chuyến viếng thăm đầu tiên của nguyên thủ quốc gia Trung Quốc đến Nhật Bản) là biểu hiện của việc tiếp tục âm thầm nghi kỵ sâu sắc lẫn nhau từ cả hai phía. Bất cứ khi nào có thể là Chủ tịch Giang Trạch Dân lại lên lớp các vị chủ nhà Nhật Bản về việc Nhật cần đẩy mạnh hành động nhằm chuộc lại lỗi lầm gây ra trong những cuộc xâm lược hồi Chiến tranh Thế giới Thứ II. Chủ tịch Giang và các quan chức Trung Quốc khác cũng thường xuyên chỉ trích Nhật Bản về sự mập mờ trong bản sửa đổi Các Nguyên tắc Chỉ đạo Phòng thủ và Hiệp ước An ninh Chung Mỹ - Nhật, họ nghi ngờ rằng đó là một chiêu bài để can thiệp vào cuộc khủng hoảng Đài Loan (nếu có một cuộc khủng hoảng như thế), và can thiệp vào các khu vực khác ở châu Á. Thêm vào đó, tranh chấp Trung - Nhật về các hòn đảo Senkaku/Diaoyu vẫn tiếp diễn. Về phần mình, Nhật Bản nhìn chủ nghĩa dân tộc và việc hiện đại hóa quân đội của Trung Quốc với một con mắt cảnh giác, đề phòng. Giới doanh nghiệp Nhật Bản cũng không tin tưởng lắm vào môi trường kinh doanh ở Trung Quốc, kết quả là đầu tư trực tiếp của các công ty Nhật Bản vào Trung Quốc năm 1998 đã giảm 27% (còn 3,16 tỷ đô-la).⁹⁷

Bất chấp những khó khăn và nghi kỵ lẫn nhau nói trên, cả hai chính phủ đều tìm cách duy trì một nền tảng quan hệ để quan hệ song phương không rơi vào tình trạng đối đầu thù địch. Chuyến viếng thăm của Thủ tướng Nhật Bản Obuchi tới Trung Quốc vào tháng 7 năm 1999 là biểu hiện của nỗ lực đó, trong chuyến thăm này hai phía đã nhất trí đẩy mạnh việc thể chế hóa quan hệ hợp tác trong một số lĩnh vực (bao gồm hiệp định song phương về các điều kiện của việc Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới). Có thể Tokyo và Bắc Kinh sẽ tiếp tục hợp tác ở tầm chính phủ, trong khi vẫn nuôi dưỡng sự nghi kỵ sâu sắc lẫn nhau ở tầm xã hội.

Hoa Kỳ và Trung Quốc: Từ “Đối tác Chiến lược” trở thành “Đối thủ Cạnh tranh Chiến lược”?

Nghi kỵ sâu sắc lẫn nhau cũng là đặc điểm của quan hệ Trung - Mỹ.²⁸ Những nghi kỵ này đã tồn tại từ trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng Kosovo và Chiến tranh Nam Tư, nhưng chúng đã trở nên trầm trọng hơn rất nhiều do cuộc xung đột này và đặc biệt là do vụ ném bom nhằm vào Đại sứ quán Trung Quốc ở Bêôgrát. Sự phục hồi quan hệ Trung - Mỹ trong các năm 1997-98, diễn ra cùng với việc trao đổi các chuyến viếng thăm lẫn nhau của nguyên thủ hai nước, đã tạo ra một sự ổn định tạm thời và mong manh trong quan hệ song phương. Trong khi hai chính phủ vẫn phải chịu áp lực nặng nề đòi đưa ra những kết quả hợp tác thực tế để chứng minh tính đúng đắn của “quan hệ đối tác chiến lược mang tính xây dựng” mà hai phía tuyên bố đang xác lập, thì phe đối lập trong nội bộ cả hai nước vẫn tiếp tục phá hoại xu hướng ấm lên trong quan hệ. Mặc dù hai nước đã đạt được một số hiệp định quan trọng - đặc biệt là trong các lĩnh vực kiểm soát vũ khí, môi trường và quan hệ quân sự - nhưng nhiều nhà quan sát vẫn âm thầm giữ một thái độ hoài nghi.

Việc NATO dùng vũ lực chống Sécbia, và đặc biệt là việc ném bom Đại sứ quán Trung Quốc đã làm đổ vỡ *quan hệ tốt đẹp mới được thiết lập lại* còn mong manh giữa 2 nước. Những sự kiện này đã tạo ra một sự thay đổi lớn lao trong cách nhìn của Trung Quốc đối với Hoa Kỳ - cả về mặt dân sự lẫn quân sự. Chỉ trong một thời gian ngắn, quan niệm về nước Mỹ đã chuyển từ chỗ phê phán một cách cẩn trọng sang thành thù địch. Những vụ tấn công của hàng ngàn người biểu tình Trung Quốc vào Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Bắc Kinh và các lãnh sự quán ở những nơi khác đã thể hiện sự thù địch ghê gớm của công chúng, và sự thù địch đó cũng được biểu hiện rõ trong thái độ và những lời bình luận của giới lãnh đạo Trung Quốc. Trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung Quốc tuôn trào một dòng thác công kích chống Mỹ dữ dội chưa từng thấy kể từ thời Cách mạng Văn hóa. *Tờ Nhật báo Nhân dân*, cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã xuất bản một loạt bài báo với nhan đề "Nhà quan sát" và "Nhà bình luận" chỉ trích "chủ nghĩa bá quyền" của Mỹ, "chủ nghĩa đế quốc", "sự ngạo mạn", "tính hiếu chiến" và "chủ nghĩa bành trướng" của Mỹ. Một bài báo đã tố cáo Hoa Kỳ tìm cách trở thành "Chúa tể của Trái đất" và so sánh bá quyền đương đại của Mỹ với sự hiếu chiến của Đức quốc xã.

Hậu quả của việc ném bom Đại sứ quán và cuộc khủng hoảng Kosovo đã đem lại tính bất ổn định mới cho một mối quan hệ vốn đã mong manh. Nó cũng góp phần làm gia tăng *sự cạnh tranh chiến lược* giữa hai nước. Trung Quốc không có đủ ảnh hưởng chính trị và sức mạnh quân sự để đấu với Hoa Kỳ ở tầm thế giới, mà Bắc Kinh cũng không định tìm cách phát động một cuộc cạnh tranh theo kiểu Chiến Tranh Lạnh với Washington. Sự cạnh tranh chiến lược mới giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc đang diễn ra ngay trên chính cơ cấu và những chuẩn mực của quan hệ quốc tế, cũng như cách ứng xử của Hoa Kỳ trên thế giới. Trung Quốc hướng tới một "thế giới đa cực" trong đó "bá quyền" của Mỹ bị lu mờ và tan biến, còn Hoa Kỳ thì theo đuổi vai trò "lãnh đạo" thế giới. Trong thời kỳ hậu Chiến Tranh Lạnh, Hoa Kỳ luôn tìm cách mở rộng và củng cố các liên minh an ninh song phương và đa phương, trong khi Trung Quốc lại kêu gọi thủ tiêu tất cả những liên minh như thế. Hai bên đặc biệt bất đồng gay gắt về chủ quyền và vấn đề "can thiệp nhân đạo", và cũng bất đồng về vai trò của Liên Hợp Quốc trong các hoạt động gìn giữ hòa bình.

Cho đến nay, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung chủ yếu vẫn là một cuộc khẩu chiến, nếu như không kể đến vụ ném bom nhằm vào Đại sứ quán Trung Quốc ở Bêôgrát và hành động "ngoại giao tên lửa" của Trung Quốc ở gần Đài Loan thời kỳ 1995-96. Tuy nhiên,

những lợi ích sát sườn về an ninh quốc gia của hai nước ngày càng cọ xát mạnh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương - đặc biệt là về các vấn đề như an ninh của Đài Loan; các liên minh và lực lượng quân sự của Hoa Kỳ tại khu vực; việc củng cố Hiệp ước An ninh Chung Mỹ - Nhật và bản Nguyên tắc Chỉ đạo Phòng Thủ được mở rộng; và triển vọng của các Hệ thống Phòng thủ Tên lửa Chiến trường (Theater Missile Defense - TMD) và Hệ thống Phòng thủ Tên lửa Quốc gia (National Missile Defense - NMD). Việc Bắc Kinh phản đối chính sách của Washington "song song ngăn chặn" Iraq và Iran lại là một ngòi nổ nữa. Xét về mặt thể chế, cuộc cạnh tranh ngày càng trở nên rõ rệt trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và tại các diễn đàn khác, nơi mà các nhà ngoại giao của hai nước tranh luận với nhau. Mặc dù chưa phải là một cuộc Chiến Tranh Lạnh mới với sự cạnh tranh về địa chính trị, cũng không phải một sự va chạm của các nền văn minh theo kiểu Huntington, nhưng bản chất của sự cạnh tranh chiến lược mới giữa Trung Quốc và Mỹ rất gần với một sự mâu thuẫn về thế giới quan, quan niệm về cơ cấu và bản chất của quan hệ quốc tế và an ninh quốc tế. Cuộc đấu tranh về *triết lý sống* (*weltanschauung - philosophy of life*) ấy lại được đẩy mạnh hơn bởi sự cạnh tranh chiến lược đang gia tăng về vấn đề cán cân quyền lực và cấu trúc an ninh ở Đông Á và vùng Vịnh Pécxích.

Mặc dù tôi dự đoán rằng trong những năm tới mâu thuẫn giữa Washington và Bắc Kinh sẽ gia tăng, nhưng những đối thủ cạnh tranh chiến lược này không nhất thiết phải trở thành kẻ thù của nhau. Thực vậy, họ có thể hợp tác trong một số lĩnh vực và cạnh tranh trong các lĩnh vực khác. Trong khi bất đồng sâu sắc về các vấn đề "an ninh tầm cao" - như vấn đề Đài Loan, liên minh Mỹ - Nhật, TMD và NMD, NATO và các liên minh an ninh khác, Iran và Iraq, v.v.. - hai chính phủ vẫn hợp tác trong những lĩnh vực có thể coi là "an ninh tầm thấp": đấu tranh chống lại việc sản xuất và buôn lậu ma túy, chống tội phạm có tổ chức, chống buôn lậu có yếu tố nước ngoài, và vấn đề an ninh môi trường. Họ cũng có thể hợp tác trong các lĩnh vực "an ninh tầm cao" như vấn đề Bắc Triều Tiên, ngăn chặn việc phổ biến vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt khác (Weapons of Mass Destruction - WMD).

Hoa Kỳ cùng với các đồng minh và đối tác an ninh của mình vẫn có cơ hội thiết lập quan hệ chiến lược *cạnh tranh và hợp tác trong cùng tồn tại* với CHND Trung Hoa. Ngay cả một mối quan hệ như vậy cũng sẽ đòi hỏi hai phía phải nỗ lực nhiều và phải thường xuyên chú ý cao độ tới chính sách của mình, nếu như họ muốn tránh một quan hệ thù địch thực sự. Rõ ràng là gần đây giới lãnh đạo Trung Quốc đã nhận ra rằng, bất chấp những bất đồng xảy ra, Trung Quốc cần phải cùng tồn tại với Hoa Kỳ, và rằng Hoa Kỳ nắm giữ chìa khóa để đạt được rất nhiều mục tiêu mà Bắc Kinh đang hướng tới cả về kinh tế, chính trị và an ninh của Trung Quốc. Về phần mình, chính quyền Mỹ tiếp tục bỏ ngoài tai sự nghi kỵ của công chúng đối với Trung Quốc và hướng tới việc "thiết lập một quan hệ đối tác chiến lược mang tính xây dựng trong thế kỷ 21."⁹² Việc hai chính phủ cùng mong muốn chặn đứng đường xoắn ốc đi xuống trong quan hệ, và hợp tác với nhau khi có điều kiện, có thể sẽ "nâng đỡ" cho quan hệ song phương khỏi bị xấu đi.

Tình hình đối ngoại của Trung Quốc: Những tác động có thể có với Hoa Kỳ

Hướng tới năm 2005, tôi dự đoán cả sự tiếp diễn lẫn khả năng xảy ra thay đổi trong quan hệ đối ngoại và tổng thể tình hình chiến lược của Trung Quốc.

Diễn biến

- *Cả Trung Quốc và các nước láng giềng Đông Á sẽ tiếp tục mong muốn duy trì quan hệ bình thường, hòa bình, hai bên cùng có lợi.* Phần lớn, nếu không phải là tất cả các nước láng giềng của Trung Quốc đều thừa nhận rằng họ phải cùng tồn tại hòa bình tới mức có thể với Bắc Kinh và rằng duy trì quan hệ căng thẳng và đối đầu với CHND Trung Hoa chẳng đem lại gì cho lợi ích quốc gia của họ. Điều này đặc biệt đúng đối với Nam Triều Tiên và các nước ASEAN, nhưng trong trường hợp của Ấn Độ và Nhật Bản thì không hoàn toàn như vậy. Ngoài ra, đại đa số các nước láng giềng của Trung Quốc cũng ủng hộ một sự hiện diện liên tục và mạnh mẽ của Hoa Kỳ trong khu vực để kìm chế tham vọng của Bắc Kinh đôi khi muốn phô trương thanh thế hoặc muốn đạt được bá quyền bền vững hơn cho bản thân mình trong khu vực.¹⁰⁰
- *Quan điểm của Bắc Kinh về Bắc Triều Tiên, trong đó đặt sự ổn định và việc duy trì chế độ lên hàng đầu.* Trên hết, Bắc Kinh mong muốn một Bán đảo Triều Tiên ổn định. Bất chấp những bất đồng sâu sắc với Bình Nhưỡng, Trung Quốc không muốn đối đầu với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên. Mục tiêu chính sách thứ hai của Trung Quốc là duy trì một vùng đệm chiến lược và duy trì Chính quyền Cộng sản, đồng thời thúc giục Bình Nhưỡng mở cửa hơn và thích nghi với thế giới. Một sự sụp đổ chế độ ở Bình Nhưỡng có lẽ sẽ kích động cảm giác bất ổn trong giới lãnh đạo Trung Quốc. Bắc Kinh cũng đang tự bảo hiểm cho mình trước một tương lai không chắc chắn bằng việc nỗ lực xây dựng quan hệ với Nam Triều Tiên. Vẫn chưa rõ liệu Trung Quốc có ủng hộ hay chấp nhận sự hiện diện của lính Mỹ trên Bán đảo Triều Tiên hay không, nếu như việc tái hợp nhất hai nước Triều Tiên diễn ra.
- *Quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản tiếp tục căng thẳng.* Mặc dù các cuộc trao đổi song phương sẽ tiếp tục diễn ra ở cả cấp chính phủ và phi chính phủ, nhưng các cuộc thăm dò dư luận ở cả hai nước cho thấy một hố sâu nghi ngờ vẫn ẩn chứa trong quan hệ song phương và sẽ tiếp tục ngăn trở bất cứ sự hòa hợp thực chất nào trong quan hệ giữa Bắc Kinh và Tokyo.
- *Bất đồng tiếp diễn giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, nhưng không vượt quá giới hạn của sự cạnh tranh cùng tồn tại.* Vì nhiều lý do khác nhau, tôi không dự đoán một sự hòa hợp thực chất trong quan hệ Mỹ-Trung - tất nhiên là không thể đạt đến một hình thức quan hệ nào đó theo kiểu "đối tác chiến lược trong thế kỷ 21" - nhưng có lẽ quan hệ song phương sẽ được giới hạn trong khuôn khổ nhu cầu của cả hai nước cần có sự ổn định thiết yếu trong quan hệ. Với điều kiện Trung Quốc không khởi sự việc công khai thách thức lợi ích của Hoa Kỳ trên phạm vi toàn cầu, và tình hình biến động ở Đài Loan không dẫn đến một cuộc xung đột lôi kéo sự tham gia của quân đội Mỹ, thì một hình thức "cạnh tranh trong khuôn khổ" như vậy có thể sẽ xảy ra.
- *Chủ nghĩa dân tộc sẽ tiếp tục tác động mạnh và cản trở các nhà hoạch định chính sách của CHND Trung Hoa.* Quan điểm của họ về nhiều vấn đề sẽ ngày càng được định hướng, và sự linh hoạt của họ sẽ bị hạn chế bởi chủ nghĩa dân tộc. Đôi lúc chủ nghĩa dân tộc sẽ làm tăng thêm những hành động ngoan cố, có khi mang tính đối đầu của Trung Quốc, trong khi vào những lúc khác, chủ nghĩa dân tộc lại hạn chế khả năng của chính quyền trong việc thỏa hiệp một cách thực tế với các chính phủ và tổ chức nước ngoài. Chủ nghĩa dân tộc là một thay đổi độc lập tồn tại trong xã hội, nhưng cũng

gắn bó mật thiết với tính chính đáng của một chế độ do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo.

- *Những khó khăn tiếp diễn trong nền kinh tế Trung Quốc sẽ gây trở ngại cho các nhà đầu tư nước ngoài, nhưng lại nâng cao tầm quan trọng của các thị trường xuất khẩu của Trung Quốc - và do đó làm tăng nhu cầu duy trì quan hệ ổn định với các nước lớn ở Phương Tây.* Việc Trung Quốc ngày càng phụ thuộc và hội nhập vào trật tự thương mại và tài chính toàn cầu là một xu hướng không bị đảo ngược. Điều này sẽ có tác động tích cực làm ôn hòa quan hệ ngoại giao của Bắc Kinh và có lẽ là cả tình hình an ninh của Trung Quốc nữa.
- Như sẽ nêu trong phần tiếp theo của tài liệu này, *chương trình hiện đại hóa quân đội của Trung Quốc sẽ tiếp tục diễn ra nhanh chóng.* Tình hình này có lẽ sẽ gây căng thẳng gia tăng với các nước láng giềng của Trung Quốc và với Hoa Kỳ.

Các mối quan hệ bị gián đoạn

- *Áp lực gia tăng từ phía Bắc Kinh và căng thẳng leo thang về vấn đề Đài Loan.* Bắc Kinh có thể sẽ đặt ra một thời hạn cho việc "tái hợp nhất" Đài Loan vào với đại lục. Dù có xảy ra việc này hay không thì tôi cũng cho rằng Bắc Kinh sẽ tăng cường áp lực ngoại giao và quân sự đối với Đài Loan. Cùng lúc đó, hoặc dưới áp lực đó, một chính phủ sẽ lên cầm quyền ở Đài Bắc và có khuynh hướng xoa dịu những căng thẳng xuyên eo biển Đài Loan. Một khả năng như vậy sẽ bị hạn chế rất nhiều bởi bản sắc độc lập của Đài Loan; cùng với thời gian, bản sắc này đã ngày càng lớn dần lên, và vì thế Đài Loan hầu như không có động cơ trong việc "tái hợp nhất" với Trung Hoa đại lục. Trong năm năm tới, tình hình Đài Loan có thể sẽ trở nên ngày càng mất ổn định.
- *Căng thẳng gia tăng với Ấn Độ.* Mặc dầu gần đây căng thẳng đã có phần dịu bớt, song các lợi ích chiến lược của Ấn Độ và Trung Quốc lại đang ngày càng tách rời nhau. Những cuộc thử hạt nhân hồi tháng 5 năm 1998 của New Delhi đã mở ra một thời kỳ mới kéo dài của sự cạnh tranh chiến lược ở tiểu khu vực giữa hai nước, mặc dù cả hai đều tuyên bố mong muốn ổn định quan hệ song phương.
- *Khả năng căng thẳng trong quan hệ với Nga.* Quan hệ Nga - Trung rất khó dự đoán, nhưng lịch sử và những lợi ích thiết thân của hai nước cho thấy có thể sẽ xảy ra mâu thuẫn. Việc quan hệ song phương được cải thiện và sự gắn bó trong các quan hệ quân sự/chiến lược giữa hai nước đã làm ngạc nhiên nhiều nhà quan sát, những người đã chứng kiến những căng thẳng trong quan hệ Nga - Trung qua nhiều thế kỷ và nhiều thế hệ. Trong dân chúng, và thậm chí trong một số quan chức của cả hai nước vẫn tồn tại mối nghi ngờ sâu sắc (thậm chí là phân biệt chủng tộc) đối với các ý định và vị trí địa chính trị của nhau. Mâu thuẫn có thể được gây ra bởi những tranh chấp về thương mại và việc thanh toán các đơn hàng quân sự, cũng như bởi sự bất mãn của Trung Quốc đối với việc Nga miễn cưỡng cung cấp một số loại vũ khí, công nghệ sản xuất, và tiến hành huấn luyện cho quân đội Trung Quốc.

Tổng hợp lại, những điều tiếp diễn và những đổi thay tiềm tàng nói trên cho thấy trong năm năm tới, quan hệ đối ngoại của Trung Quốc sẽ có những căng thẳng đáng kể. Có thể chúng ta sẽ chứng kiến một nước Trung Quốc ngày càng cảm thấy bấp bênh và lo lắng về môi trường an ninh của mình, với những mối quan hệ ngày càng căng thẳng với các cường

quốc lớn trong khu vực, chịu tác động ngày càng nhiều của chủ nghĩa dân tộc và sự thiếu kiên nhẫn trong vấn đề Đài Loan. Trong một môi trường như thế, quân đội Trung Quốc là một thay đổi ngày càng quan trọng.

Việc hiện đại hóa và cải cách quân đội của Trung Quốc

Điều quan trọng nhất phải nắm được về sự phát triển trong tương lai của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Hoa (PLA) là, với tư cách là một tổ chức, quân đội này đang phấn đấu thực hiện *đồng thời* một loạt những cải cách chưa từng có và rất phức tạp. Hiện nay, PLA đang được cải cách từ trên xuống dưới, trong từng quân chủng, trong từng quân khu, và từng cơ quan chức năng. Trong quân đội, cả những cải cách cơ bản, chủ yếu và những cải cách dần dần đều được đẩy mạnh trong các lĩnh vực học thuyết, huấn luyện, hậu cần, chế độ nghĩa vụ quân sự, mệnh lệnh và chỉ huy, vi tính hóa, mua sắm và sản xuất phục vụ quốc phòng, dự toán ngân sách và các nguồn tài trợ từ bên ngoài, cơ cấu lực lượng, và các lĩnh vực khác. Hầu như không có mảng nào trong cuộc sống quân đội lại không được đụng đến. Bất cứ quân đội nào cũng sẽ gặp khó khăn khi phải điều chỉnh và hấp thu một loạt những cải cách liên tục và toàn diện như vậy, và những cải cách ấy tất nhiên đang gây khó khăn cho PLA.

Mặc dù không có ý định đánh giá thấp những cải cách triệt để nói trên, song khuôn khổ hạn chế của tài liệu này không cho phép xem xét chi tiết, đầy đủ những cải cách đó.¹⁰¹ Vì nhiều sự cải cách đã trở nên quen thuộc với các chuyên gia về PLA và ngày càng dễ tiếp cận đối với người dân,¹⁰² nên phần này sẽ giới hạn vào việc thảo luận về các hệ thống vũ khí và những năng lực quân sự của PLA - với việc dự báo về các loại vũ khí và những *năng lực quân sự* mà PLA sẽ có trong vòng năm năm tới.¹⁰³

PLA có khả năng đến đâu?

Ngày càng có nhiều cuộc tranh luận giữa các "nhà quan sát tình hình PLA" về năng lực của quân đội Trung Quốc hiện nay và trong tương lai ngắn hạn và trung hạn.¹⁰⁴ Sự thật có lẽ nằm ở đâu đó gần điểm giữa của cuộc tranh luận: *PLA còn rất lạc hậu trong hầu như tất cả các loại vũ khí hạt nhân và vũ khí thông thường, nhưng quân đội này đang cải thiện một cách vững chắc các năng lực quân sự và tính sẵn sàng chiến đấu của mình, và có thể giáng những đòn nặng nề vào kẻ thù trong một cuộc chiến tranh ở vùng lân cận.* Chúng ta hãy cùng nhau khảo sát tỉ mỉ những lý do của đánh giá tổng quát này.

Kết hợp những bài học rút ra từ cuộc chiến tranh Vùng Vịnh năm 1991 và cuộc Chiến tranh Nam Tư năm 1999 với học thuyết tác chiến mới của PLA về "chiến tranh hạn chế trong điều kiện công nghệ cao", không quân và tên lửa là những hệ thống vũ khí được chọn để xây dựng kho vũ khí của PLA trong thế kỷ 21. PLA đang phát triển những thế hệ mới của các loại tên lửa đạn đạo tầm ngắn, tầm trung và xuyên lục địa với đầu đạn được cải tiến, đồng thời ưu tiên nghiên cứu các loại tên lửa MIRV và tên lửa đầu đạn hạt nhân tầm thấp.¹⁰⁵ Bảng 6 cho thấy, hiện nay PLA đã có trong tay đầy đủ các hệ thống tên lửa đạn đạo. Việc thử thành công tên lửa DF-31 (tầm bắn 8000 km) vào tháng 8 năm 1999, việc sẵn sàng thử tên lửa DF-41 (tầm bắn 12000 km), và một chương trình nhanh chóng phát triển và triển khai tên lửa JL-2 SLBM, tất cả đều là những tiến bộ đáng lưu ý của các lực lượng hạt nhân Trung Quốc.

PLA cũng đang nỗ lực làm việc để phát triển các loại tên lửa tầm thấp đối đất (Land-attack cruise missiles - LACMs). Một loạt các chương trình đang được tiến hành - phần lớn là nhằm cải tiến các loại tên lửa C-801 và C-802 vốn được phóng từ trên biển để có thể

sử dụng được với các hệ thống bộ phóng trên bộ và trên không. Loại tên lửa C-801 đã được cải tiến theo mẫu tên lửa *Exocet* của Pháp, và được đặt tên là YJ-8, có thể được đưa vào sản xuất trong năm 2000. Nó có tầm bắn là 135 km, bao gồm bộ phận định hướng sử dụng Hệ thống Định vị Toàn cầu (Global Positioning System - GPS) và các hệ thống hướng đạo sử dụng Bản đồ Mặt đất (Terrain Contour Mapping - TERCOM), và có thể có độ chính xác đến 10 m.¹⁰⁶ Trong một vài năm tới có thể Trung Quốc cũng sẽ dựa vào nguồn cung cấp tên lửa tầm thấp của Nga.

Ít nhất có hai loại máy bay chiến đấu mới đang được Trung Quốc nghiên cứu để sản xuất. Việc sản xuất máy bay F-10, một loại máy bay chiến đấu đa năng thế hệ thứ tư, đã gặp phải một số vấn đề (về sức đẩy của động cơ, khung máy bay, và điện tử hàng không), nhưng có lẽ sẽ sẵn sàng đưa vào sản xuất trong năm 2001-2002. Nó sử dụng kết cấu cánh hình tam giác có bộ phận giữ thăng bằng, với những đặc điểm thiết kế giống như của máy bay tàng hình, sử dụng điện tử hàng không công nghệ cao (từ Israel), và hiện đại hơn rất nhiều so với loại máy bay hàng đầu hiện nay của Trung Quốc là F-8II.¹⁰⁷ Loại JH-7 (FBC-1) là một loại máy bay chiến đấu ném bom hai động cơ được thiết kế cho những nhiệm vụ yểm trợ trên quãng đường dài, và cũng đang trong giai đoạn bay thử nghiệm. Gần đây cũng có những bản báo cáo về một loại máy bay chiến đấu đa năng khác, với tên gọi XXJ, được cho là sản xuất theo mẫu chiếc Su-27 của Nga.¹⁰⁸ Lực lượng Không quân của PLA (PLA Air Force - PLAAF) đã mua 46 chiếc máy bay chiến đấu Su-27, và ký một bản hợp đồng đặt sản xuất 200 chiếc máy bay khác (loại F-11). Theo hợp đồng năm 1997, 50 chiếc đầu tiên được lắp ráp từ các bộ phận rời tại nhà máy của Tập đoàn Máy bay Shenyang (hai chiếc đầu tiên đã được bay thử nghiệm vào cuối năm 1998), việc sản xuất được cấp phép sẽ bắt đầu sau đó. Có tin là PLAAF cũng đã ký một thỏa thuận vào tháng 8 năm 1999 mua 50 đến 70 máy bay chiến đấu ném bom đa năng Su-30 của Nga.

Khi - và nếu - tất cả các máy bay nói trên đi vào hoạt động và quá trình loại bỏ các máy bay cũ kỹ đã hoàn tất, thì Trung Quốc vẫn thiếu năng lực vận chuyển chiến lược và khả năng tiếp nhiên liệu trên không, và như vậy vẫn chưa thể không chiến ở ngoài vùng biên giới và vùng tiếp giáp biên giới của mình. Nhưng, Bảng 7 chỉ ra rằng, những bổ sung trên đây vào cơ cấu lực lượng không quân sẽ cung cấp thêm một lực lượng máy bay chiến đấu đa dạng hơn, và sẽ tạo cho Lực lượng Không quân của PLA một tập hợp gồm khoảng 1350 máy bay chiến đấu/máy bay đánh chặn thế hệ thứ hai, thứ ba và thứ tư - nhưng điều này sẽ chỉ xảy ra nếu mọi việc sản xuất và thử nghiệm đều tốt đẹp. Nếu so với chuẩn khu vực thì đây sẽ là một lực lượng không quân đáng kể. Tuy nhiên, không nên quá lạc quan về thành tích này nếu xét đến những vấn đề kinh niên cản trở sự phát triển của ngành công nghiệp chế tạo máy bay dân dụng và quân sự ở Trung Quốc. Những việc cần làm tiếp theo bao gồm đào tạo phi công cho các tình huống chiến đấu trong mọi điều kiện thời tiết, và việc bảo dưỡng thường xuyên - và cho đến nay, thành tích của PLAAF trên cả hai phương diện này không đáng được khen ngợi.

Bảng 6: KHO VŨ KHÍ HẠT NHÂN CỦA TRUNG QUỐC					
Hệ thống/ Loại	Tình trạng	Chất nổ	Tầm bắn (km)	Đầu đạn (kg)	Số lượng đã triển khai
DF-3/3A (MRBM)	Đã triển khai	Lỏng	2800	2150	40+
DF-4 (ICBM)	Đã triển khai	Lỏng	5500	2200	20

DF-5 (ICBM)	Đã triển khai	Lỏng	13000	3200	20
DF-11/M-11 (SRBM)	Đã, đang phát triển	Rắn	300	500	N/A
DF-15/M-9 (SRBM)	Đã triển khai	Rắn	600	500	100+
DF-21 (MRBM)	Đã triển khai	Rắn	1800	600	10+
DF-25 (MRBM)	Chưa thử	Rắn	1700	2000	--
DF-31 (ICBM)	Đã thử	Rắn	8000	700	--
DF-41 (ICBM)	Đang phát triển	Rắn	12000	800	--
JL-1 (SLBM)	Đã triển khai	Rắn	1700	600	12
JL-2 (SLBM)	Sắp thử	Rắn	8000-10000	700	--

Nguồn tin: Shirley Kan và Robert Shuey, *Trung Quốc: Các loại tên lửa đạn đạo và tầm thấp* (Báo cáo CRS, 1998); Bộ Quốc phòng, *Tình hình an ninh tại eo biển Đài Loan* (Báo cáo trình Quốc hội theo Đạo luật về Ngân sách năm tài khóa 1999, 1/2 năm 1999); Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế, *Cán cân Quân sự 1998/99* (Oxford: Nhà Xuất bản của Trường Đại học Oxford, 1999); Hội đồng Tình báo Quốc gia, *Phát triển tên lửa của nước ngoài và Mối Đe dọa về Tên lửa Đạn đạo đối với Hoa Kỳ cho đến năm 2015* (9 năm 1999).

Học thuyết của PLA về phòng thủ ngoại vi tất nhiên đã bao gồm cả việc tăng cường chú ý phát triển lực lượng hải quân (*yuanyang haijun*) - mặc dù mong muốn này đã gặp phải những trở ngại nghiêm trọng là thiếu nguồn tài trợ, thiếu một nền tảng sản xuất trong nước thích hợp (để có thể sản xuất, chẳng hạn như, các tàu tuần dương hạng nặng, các hàng không mẫu hạm, và các tàu ngầm mang đầu đạn hạt nhân), và không tiếp cận được với các nguồn cung cấp những công nghệ và vũ khí then chốt của phương Tây. Những con tàu khu trục hàng đầu của Trung Quốc là Luhai và Luhai (Lực lượng Hải quân trong PLA (PLA Navy) - PLAN - sở hữu hai chiếc Luhai và một chiếc Luhai) được trang bị động cơ của Đức và Mỹ, radar và sonar của Pháp và Mỹ, trục thăng của Pháp, bộ phóng ngư lôi của Italia, tên lửa đất đối không và đất đối đất của Pháp. Kể từ năm 1989, Trung Quốc đã bị cấm không được mua các phương tiện quân sự của phương Tây và trong thời gian tới không có dấu hiệu nào của việc bãi bỏ lệnh cấm này, ngoại trừ việc Liên minh châu Âu nói lỏng hạn chế đối với một số thiết bị điện tử. Mặc dù bị hạn chế không được tiếp cận các công nghệ hải quân và các loại tàu của phương Tây, nhưng PLAN đã nâng cấp các biện pháp trả đũa điện tử, các hệ thống radar và sonar, hệ thống điều khiển súng, và vũ khí trên các con tàu khu trục *Luda* và các con tàu chiến loại nhỏ *Jianghu* đã được trang bị lại. Ngoài ra, đội tàu còn được bổ sung bởi các tàu khu trục thế hệ mới *Luda III*, các tàu chiến hạng nhỏ loại *Jiangwei*, các tàu tuần tra có trang bị tên lửa *Houjian* và *Houxian*, và các tàu tiếp nhiên liệu loại *Dayun*.

Tóm lại, trong vòng 10 năm qua, PLAN đã đưa thêm gần 20 loại tàu chiến trên mặt biển vào trong hạm đội của mình. Trong đó quan trọng nhất là hai chiếc tàu khu trục *Sovremenny* hiện đang được chế tạo tại xưởng đóng tàu St. Petersburg của Nga (chiếc thứ

nhất đã bắt đầu được thử nghiệm trên biển vào cuối năm 1998), và có thể sẵn sàng đưa ra sử dụng trong năm 2000. Hai con tàu này được trang bị tên lửa chống tàu Moskit (SS-N-22 "Sunburn") và tên lửa đất đối không Uragan (SA-N-7 "Gadfly"). Một khi được đưa vào hạm đội, các con tàu này sẽ là mối đe dọa to lớn đối với các nhóm hàng không mẫu hạm chiến đấu (aircraft carrier battle groups - CVBGs). Trong những năm gần đây, Nga cũng đã bán cho Trung Quốc 4 chiếc tàu ngầm Kilo dùng động cơ điện chạy bằng điêzen, mặc dù Hải quân Trung Quốc đã gặp phải những khó khăn đáng kể trong việc vận hành và bảo dưỡng chúng. Gần đây cũng có những bản báo cáo về việc Nga bán cho PLAN 2 chiếc tàu ngầm nguyên tử tấn công Akula. Cũng trong chương trình phát triển đội tàu của Trung Quốc có một số loại tàu ngầm do Trung Quốc chế tạo thuộc dòng Song loại Type 093 (SSN) và 094 (SSBN); nếu mọi việc thuận lợi thì loại thứ nhất sẽ gia nhập hạm đội trong khoảng năm 2000, còn loại thứ hai thì khoảng năm 2005.¹⁰⁹ Việc chế tạo và vận hành tàu ngầm là vô cùng phức tạp, và cho đến nay thành tích của Trung Quốc trong các lĩnh vực này rất ít. Việc vận hành tàu ngầm, đặc biệt là đối với loại SSBN lại càng phức tạp - và không nên vội vàng cho rằng PLAN sẽ có thể vận hành ngay được những con tàu ngầm mới của mình.

Cũng phải nhấn mạnh các vấn đề: cần đạt được khả năng tấn công chính xác ở tầm xa (long-range precision strike capability - LACMs), vấn đề chiến tranh thông tin (information warfare - IW) cũng như các vấn đề mới khác có liên quan đến Cuộc Cách mạng trong các Vấn đề Quân sự (Revolution in Military Affairs - RMA). Chắc chắn rằng Trung Quốc đang tích cực nghiên cứu các công nghệ này (bao gồm đạn định hướng bằng laze, các biện pháp trả đũa điện tử, các loại virus máy tính, các loại vũ khí chống vệ tinh, các loại vũ khí dùng vi sóng năng lượng cao, thiết bị chụp hình do thám vệ tinh, hệ thống định vị toàn cầu, các thiết bị cảm biến trên-đường-chân-trời, các loại radar sử dụng công nghệ "phased-array", liên lạc viễn thông tốc độ cao, v.v...),¹¹⁰ nhưng không nên nhầm lẫn ước vọng với năng lực thực tế. Đây là những công nghệ vô cùng phức tạp và rất khó có thể nắm bắt, thử nghiệm, sản xuất, triển khai, hấp thụ, và duy trì, bảo dưỡng. Với khả năng của Trung Quốc hiện giờ, còn tồn tại rất nhiều trở ngại - về tài chính, con người, công nghệ - để có thể xây dựng, triển khai và duy trì những hệ thống công nghệ cao như thế.

Xuất phát từ mong muốn của Trung Quốc tìm cách phát triển các công nghệ và hệ thống vũ khí nói trên, người ta có thể suy luận rằng Trung Quốc đang chuẩn bị cho những tình huống quân sự bất ngờ không cân sức chống lại những đối thủ hiện sở hữu các công nghệ quân sự hiện đại nhất (ví dụ như Nhật Bản hay Hoa Kỳ), đặc biệt là trong một cuộc xung đột có thể xảy ra về vấn đề Đài Loan. Việc Trung Quốc mua máy bay, tàu ngầm và tàu khu trục của Nga, tất cả đều tỏ ra "hướng vào tình huống bất ngờ". Tất cả những điều đó dường như là biểu hiện của sự chuẩn bị để đưa ra một mối đe dọa thực sự đối Đài Loan trong thập niên đầu tiên của thế kỷ tới (có lẽ vào khoảng 2005-2007). Hơn nữa, việc mua các thiết bị nói trên và nhấn mạnh việc cải thiện các biện pháp trả đũa điện tử (ECM) và vấn đề chiến tranh thông tin còn thể hiện sự sẵn sàng can dự và đánh bại các nhóm hàng không mẫu hạm chiến đấu và các lực lượng của Hoa Kỳ trong một cuộc xung đột có thể xảy ra về vấn đề Đài Loan.¹¹¹ Những cố gắng liên tục nhằm có được khả năng tiếp nhiên liệu trên không, và việc phát triển các máy bay chiến đấu thế hệ thứ tư, có lẽ cũng thể hiện một mong muốn của Trung Quốc là đưa được sức mạnh không quân của mình tới vùng biển Nam Trung Hoa (Biển Đông) và xa hơn thế nữa.

Bảng 7: MÁY BAY CHIẾN ĐẤU CỦA PLAAF		
Máy bay chiến đấu	Đưa vào sản xuất	Cơ cấu lực lượng 1999/2005 (dự tính)
J-6	1963	1800/500
J-7	1967	500/300
J-8II	1970	150/100
J-10	2000?	0/100
JH-7	2000?	0/100
XXJ	2015?	0/0
Su-27	1999	46/150
Su-30	2001?	0/100?

Nguồn tin: Kenneth Allen, Glen Krumel, và Jonathan Pollack, *Không lực Trung Quốc bước vào thế kỷ 21* (Santa Monica: RAND, 1995); Zalmay Kalilizad, *Hoa Kỳ và một nước Trung Quốc đang Nổi lên* (Santa Monica: RAND, 1999); Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế (International Institute of Strategic Studies - IISS), *Cán cân quân sự 1998/99* (Nhà Xuất bản của Đại học Oxford).

Cuộc xung đột ở Kosovo năm 1999 dường như cũng làm tăng thêm tính cấp bách của chương trình hiện đại hóa của PLA. Các nhà phân tích của PLA đã theo dõi sát khía cạnh quân sự của cuộc Chiến tranh Nam Tư, cũng như những chiến lược, chiến thuật và vũ khí của NATO. Họ cũng ghi nhận một số chiến thuật và hỏa lực tương tự như đã được sử dụng trong cuộc chiến tranh Vùng Vịnh, bao gồm: các cuộc tấn công đầu tiên vào cơ sở hạ tầng chỉ huy - kiểm soát của Nam Tư; gây nhiễu sóng điện từ trên diện rộng đối với cả các thông tin liên lạc quân sự và dân sự; nhắm bắn mục tiêu từ xa sử dụng các tên lửa tầm thấp có tầm bắn xa, được phóng đi từ trên biển hoặc trên không; đạt được "ưu thế vượt trội về thông tin"; sử dụng hiệu quả các vệ tinh và bộ cảm biến trên không trung; và tiến hành các cuộc ném bom từ Bắc Mỹ xa xôi, sử dụng việc tiếp nhiên liệu trong khi bay. Tuy nhiên, các nhà phân tích của PLA rất ngạc nhiên về những đặc điểm mới thể hiện rõ trong cuộc xung đột ở Nam Tư - ví dụ, việc sử dụng nhiều hệ thống vũ khí mới, chẳng hạn như đạn được được cải tiến có độ chính xác cao định hướng bằng laze, sử dụng nhiều thiết bị điều khiển và định hướng mới có hiệu quả cao. Một trong số đó là loại bom trọng lực "thông minh" định hướng bằng laze số hiệu GBU-28/B, năm quả bom thuộc loại này đã được phóng đi từ các máy bay ném bom chiến lược B-2, và do nhầm lẫn đã đánh trúng vào Đại sứ quán của Trung Quốc ở Bêôgrát.

Việc sử dụng rộng rãi tên lửa tầm thấp và các loại đầu đạn định hướng chính xác khác từ bên ngoài tầm phòng thủ của Nam Tư đã tác động mạnh đến các nhà hoạch định của PLA (mặc dù trước đây họ đã từng chứng kiến điều đó trong cuộc chiến tranh Vùng Vịnh); họ đặc biệt ấn tượng về tính chính xác đã được nâng cao của các loại vũ khí này. Sự ưu việt của các loại "vũ khí thông minh" đã nhắc nhở PLA rằng các cuộc chiến tranh hiện đại có thể được tiến hành từ những khoảng cách rất xa, xa hơn cả đường chân trời, mà không cần phải ngắm bắn trong tầm mắt hay phải đụng độ với các lực lượng phòng không và phòng thủ tên lửa đạn đạo của đối phương, và thậm chí không cần trực tiếp giao tranh với các lực lượng của đối phương nữa. Ngay cả cuộc chiến tranh Vùng Vịnh cũng phải sử dụng đến các lực lượng bộ binh và giao tranh giáp lá cà - nhưng ở Nam Tư thì không. Nhận thức được vấn đề này là một điều khác nghiệt đối với những nhà lãnh đạo PLA, bởi vì toàn bộ định hướng và học thuyết của họ từ trước tới nay chỉ nhằm để giao tranh với kẻ thù trong

những trận chiến trên lãnh thổ Trung Quốc hay ở những vùng lân cận mà thôi. Các nhà phân tích của PLA vô cùng bối rối bởi ý tưởng rằng, trong chiến tranh hiện đại, một kẻ thù tàng hình có thể xuyên qua các hàng phòng thủ và tiêu diệt lực lượng của ta mà ta không nghe và không thấy được kẻ thù, chứ đừng nói gì đến chuyện phản công. Có tin là việc nhận thức được sự dễ tổn thương này đã khiến PLA phải xem xét lại các hệ thống phòng không chiến lược của mình và các năng lực phòng thủ nhằm gây nhiễu và làm rối loạn các loại vũ khí thông minh sắp xuất hiện.

Tác động có thể có đối với Hoa Kỳ

Những bài học kể trên chắc chắn sẽ tác động tới các ưu tiên của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Hoa (về việc phân bổ nguồn lực, về lý luận và về tổ chức). Mặc dù Trung Quốc không có nhiều tiền để tăng mạnh chi tiêu quốc phòng, và Trung Quốc lại bị hạn chế ngặt nghèo trong việc tiếp cận các loại vũ khí và các công nghệ quốc phòng của Phương Tây, song hãy đón chờ việc PLA tăng cường ưu tiên cho các chương trình tên lửa đạn đạo và tên lửa đầu đạn hạt nhân tầm thấp, năng lực tiến hành chiến tranh điện tử và chiến tranh thông tin, mạng lưới C4I, và các hệ thống phòng không. Những ưu tiên mới này sẽ bổ sung - nhưng cũng sẽ phải cạnh tranh - với ưu tiên hiện nay giành cho sách lược xây dựng các lực lượng không quân, hải quân trên mặt biển và đội tàu ngầm.

Tuy nhiên, do không được tiếp cận với thiết bị và công nghệ của Phương Tây, nên PLA sẽ chẳng bao giờ có thể thu hẹp được một cách đáng kể khoảng cách về công nghệ quốc phòng và vũ khí thông thường so với Nhật Bản và Phương Tây - trên thực tế, khoảng cách này không ngừng được nới rộng. Chắc chắn rằng, những sự chuyển giao công nghệ từ nước Nga hiện đáp ứng được một số nhu cầu “thích hợp” nhất định của PLA, nhưng còn lâu mới đủ để giúp PLA tăng cường sức mạnh, chứ đừng nói gì đến khả năng tiến hành tấn công Đài Loan thu được thành công. Ngoại trừ một số rất ít “lĩnh vực sở trường” (hay cái mà một nhà phân tích gọi là “lĩnh vực được quan tâm thích đáng”), hầu hết các nhà phân tích Phương Tây đều xếp năng lực thông thường của PLA ở mức *lạc hậu từ 20 đến 30 năm so với năng lực hiện đại, và khoảng cách đó ngày càng mở rộng*. Tuy nhiên, nếu so với các láng giềng của Trung Quốc, đặc biệt là Đài Loan, thì khoảng cách này lại đang ngày càng thu hẹp. Năng lực quân sự toàn diện của Trung Quốc ngày nay tương đương với trang thiết bị của châu Âu thời kỳ cuối những năm 1980. Trong nhiều lĩnh vực, công nghệ và phần cứng của Trung Quốc chỉ ngang bằng với trình độ của những năm 1960, 1970 ở châu Âu. Chắc chắn rằng PLA đang tìm cách bít một số lỗ hổng lớn của mình bằng cách mua có chọn lọc các thiết bị từ Nga và Israel, nhưng tổng thể năng lực vũ khí thông thường của PLA vẫn còn rất lạc hậu.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực tên lửa đạn đạo, năng lực của Trung Quốc lại khá hơn rất nhiều và đang được tiếp tục cải thiện. Việc Trung Quốc dựng lên những giàn tên lửa SRBMs hướng về Đài Loan là một mối lo ngại rõ ràng và nghiêm trọng đối với an ninh của hòn đảo này, và sẽ thách thức Hoa Kỳ trong việc thực thi những trách nhiệm của mình theo Đạo luật về Quan hệ với Đài Loan.¹¹² Tình hình cũng diễn ra tương tự đối với việc PLA ưu tiên phát triển các tên lửa tầm thấp tấn công các mục tiêu trên bộ. Việc Trung Quốc ưu tiên xây dựng các lực lượng tên lửa đạn đạo của mình cũng sẽ có tác động quan trọng đối với Hoa Kỳ - đối với cả những lực lượng mà nước này sẽ triển khai ở khu vực Đông Á cũng như đối với việc phòng thủ ở ngay trên lục địa tổ quốc mình.¹¹³

Mặc dù năng lực tổng thể của PLA còn hạn chế, nhưng một sự răn đe hạt nhân thực tế đang tồn tại, và PLA cũng đang đạt được những bước tiến trong việc tìm kiếm những

phương tiện mới phục vụ không quân và hải quân. Điều quan trọng là phải nhận thức được rằng, những năng lực vũ khí *thông thường* này không và sẽ không đe dọa, trực tiếp hay gián tiếp, đối với Hoa Kỳ và các nước đồng minh ở châu Á - Thái Bình Dương trong vòng năm năm tới. Đánh giá bao trùm này cũng đúng trong nhiều kịch bản khác nhau xung quanh một cuộc xung đột ở Đài Loan - khi mà PLA có thể sẽ trực tiếp đưa quân sang tấn công các lực lượng của Mỹ và Đài Loan. Trong vòng năm năm tới, Đài Loan cần phải có những lực lượng phòng thủ thích hợp để đẩy lùi bất cứ cuộc tấn công hay phong tỏa lớn nào chống lại hòn đảo này. Trong giai đoạn hiện nay, mặc dù CHND Trung Hoa hoàn toàn có khả năng sử dụng tên lửa đạn đạo để tấn công Đài Loan, song lại không có đủ năng lực vũ khí thông thường để theo đuổi thành công việc đưa quân vào Đài Loan tiếp sau đó. Bên cạnh đánh giá bao trùm nói trên, cũng phải thấy rõ rằng khả năng tự phòng thủ của Đài Loan đang ngày càng thu hẹp. Xu hướng tự sản xuất thiết bị trong nước và mua thiết bị từ bên ngoài của PLA cho thấy rằng vị thế trên cơ về vũ khí của Đài Loan hiện nay đang dần bị xói mòn, và cho đến năm 2005, có lẽ Đài Loan sẽ không còn là đối thủ của một đội Quân Giải phóng Nhân dân Trung Hoa đã mạnh mẽ hơn về nhiều mặt. Khả năng bị tấn công đang gia tăng. Đánh giá này sẽ có tác động nhất định đến việc Mỹ bán thiết bị quân sự cho Đài Loan, đến chính sách ngoại giao của Mỹ đối với Bắc Kinh và Đài Bắc, cũng như việc triển khai các lực lượng của bản thân Mỹ ở khu vực Đông Á.¹¹⁴

⁸⁹ See the judgments contained in David Shambaugh (ed.), *Is China Unstable?* (Armonk, NY: M.E. Sharpe, 1999), as well as the other contributions to this symposium.

⁹⁰ See Barry Naughton's and Martin King Whyte's contributions to this symposium.

⁹¹ See Jennifer Anderson, *The Limits of Sino-Russian Strategic Partnership* (London: IISS Adelphi Paper No. 315, 1997); Sherman W. Garnett ed., *Limited Partnership: Russia-China Relations in a Changing Asia* (Washington, DC: Carnegie Endowment for International Peace, 1998).

⁹² Other provisions of the agreements prohibit exercises exceeding 40,000 personnel, prior notification of exercises and mandatory observers for any involving over 35,000 personnel, and a limit of one exercise each year of 25,000 personnel or above.

⁹³ See, for example, "China-Russia Relations at the Turn of the Century," Joint Statement of Presidents Jiang Zemin and Boris Yeltsin, November 23, 1998. Text is carried in *Beijing Review*, December 14-20, 1998.

⁹⁴ This judgment is based on interviews with Vietnamese scholars and diplomats in Washington.

⁹⁵ Perhaps in an effort to defuse the rising tensions, former Russian Prime Minister Primakov proposed a three-way "strategic triangle" during his December 1998 visit to India. Subsequent to the Kosovo crisis, Sino-Indian ties began to warm somewhat.

⁹⁶ See Koong Pai-ching, *Southeast Asian Perceptions of China's Military Modernization*, Asia paper No. 99-1 (Washington, DC: Sigur Center for Asian Studies, 1999); and Allen S. Whiting, "ASEAN Eyes China: The Security Dimension," *Asian Survey* (April 1997), pp. 299-322.

⁹⁷ Michiyo Nakasone and James Kynge, "Obuchi Faces Some Tough Demands From His Chinese Hosts," *Financial Times*, July 7, 1999.

⁹⁸ A *Wall Street Journal*/NBC News poll published on September 14, 1999 indicated that between 60 and 80 percent of those polled considered China to be an "adversary" of the United States: liberals 60%, women 61%, Democrats 64%, union households 69%, Republicans 75%, men 75%, and white southern conservatives 80%.

⁹⁹ See National Security Adviser Samuel Berger's press conference statements at the New Zealand APEC meeting.

¹⁰⁰ In this regard, see my "Chinese Hegemony over East Asia by 2015?" *Korean Journal of Defense Analysis*, Vol. IX, No. 1 (Summer 1997), pp. 7-28.

¹⁰¹ For a fuller exposition of these reforms, see my *Reforming the Chinese Military* (University of California Press, 2000).

¹⁰² See, for example, James C. Mulvenon and Richard H. Yang (eds.), *The People's Liberation Army in the Information Age* (Santa Monica, CA: Rand, 1999); James R. Lilley and David Shambaugh (eds.), *China's Military Faces the Future* (Washington, DC and Armonk, NY: AEI Press and M.E. Sharpe, 1999); David Shambaugh and Richard H. Yang (eds.), *China's Military in Transition* (Oxford: Clarendon Press, 1997); C. Dennison Lane et al (eds.), *Chinese Military Modernization* (London: Routledge Kegan Paul, 1996); Hans Binnendijk and Ronald Monteperto (eds.), *Strategic Trends in China* (Washington, DC: National Defense University Press, 1998); Ming Zhang, *China's Changing Nuclear Posture* (Washington, DC: Carnegie Endowment).

¹⁰³ Recognizing, of course, that the PLA's ability to employ force requires all of the other reforms noted above.

¹⁰⁴ See Bates Gill and Michael O'Hanlon, "China's Hollow Military," *The National Interest* (Summer 1999); James Lilley and Carl Ford, "China's Military: A Second Opinion," *ibid.* (Fall 1999). Also see the contributions to James R. Lilley and David Shambaugh (eds.), *China's Military Faces the Future* (Washington, DC and Armonk, NY: AEI Press and M.E. Sharpe, 1999).

¹⁰⁵ See Mark A. Stokes, *China's Strategic Modernization: Implications for the United States* (Carlisle, PA: U.S. Army War College Strategic Studies Institute, 1999); and *Report of the Select Committee on US National Security and Military/Commercial Concerns with the People's Republic of China*, declassified version published by US Government Printing Office, May 25, 1999.

¹⁰⁶ Mark Stokes, *China's Strategic Modernization: Implications for the United States* (Carlisle Barracks: US Army War College Strategic Studies Institute, 1999), p. 86.

¹⁰⁷ "Air Force Frontliners to See New Fighter Breed," *Jane's Defence Weekly*, op. cit., p. 26.

¹⁰⁸ Zalmay Kalilizad et al., *The United States and a Rising China: Strategic and Military Implications* (Santa Monica: RAND, 1999), p. 57.

¹⁰⁹ "New PLAN to Train, Purchase Vessel Mix," *Jane's Defence Weekly*, op cit, p. 25.

¹¹⁰ See Stokes, *China's Strategic Modernization*, op. cit.

¹¹¹ It lies beyond the scope of this paper to pass judgment on whether the projected complement of conventional forces around 2005 will be sufficient to defeat Taiwan's forces or to sufficiently disrupt American support in such a conflict.

¹¹² These are currently estimated by DoD as approximately 150, growing to 600 by 2005. See Department of Defense, *Select Military Capabilities of the People's Republic of China* (1999).

¹¹³ See National Intelligence Council, *Foreign Missile Developments and the Ballistic Missile Threat to the United States Through 2015* (September 1999), p. 11.

¹¹⁴ Kalilizad et al. argue that such forces will have to be built up, with logistic lines strengthened, and readiness improved. See Zalmay Kalilizad et al., *The United States and a Rising China*, op. cit.